

Bản án số: 332/2024/DS-PT
Ngày: 22 - 4 - 2024
V/v “Tranh chấp hợp đồng bảo
hiểm”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hồng Giảng
Các Thẩm phán: Ông Uông Văn Tuấn
Bà Trần Thị Thủy.

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Nguyễn Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên
tòa:* Bà Mạnh Thị Tú Uyên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ
Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 162/DSPT ngày 02
tháng 02 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 332/2023/DS-ST ngày 25-8-2023 của Tòa án
nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1187/QĐXXPT-DS ngày 06 tháng 3
năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1975; (có mặt)

Địa chỉ: B Kp C, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh V, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Số A L, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy
quyền ngày 02/12/2022). (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Đỗ Như Thảo
Đ Luật sư - Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt); Ông Nguyễn Văn Q, Chi nhánh
Công ty L - Đoàn luật sư tỉnh Đ (vắng mặt);

Địa chỉ: Số A L, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Công ty TNHH B1 (Việt Nam);

Địa chỉ: Tầng A - A, tòa nhà S, tháp B số F đường L, phường B, Quận A,

Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông **Võ Trần K**, sinh năm 1987 (vắng mặt); ông **Huỳnh Công D1**, sinh năm 1992. (có mặt)

Cùng địa chỉ liên hệ: **Tầng A - 15, tòa nhà S, tháp B số F đường L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.** (Văn bản ủy quyền ngày 15/11/2023).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà **Huỳnh Thị Mỹ D2**, sinh năm 1995; (vắng mặt)

Địa chỉ: **Đ, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.**

2/ Ông **Lê Việt H**, sinh năm 1972; (vắng mặt)

Địa chỉ: **Thôn A, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.**

3/ **Đại lý Bảo hiểm A**; (vắng mặt)

Địa chỉ: **Xóm F, thôn P, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 12 năm 2022; đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 17 tháng 02 năm 2023 và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà **Nguyễn Thị B** và đại diện hợp pháp theo ủy quyền là ông **Nguyễn Minh V** trình bày:*

Ông **Lê Việt H1** (ông **H1** sinh năm 1995, chết ngày 23 tháng 3 năm 2022, ông **H1** là con của nguyên đơn bà **Nguyễn Thị B** và ông **Lê Việt H**). Ngày 07 tháng 01 năm 2022, ông **H1** và bị đơn **Công ty TNHH B1** (Việt Nam) thông qua **Đại lý bảo hiểm A** đã ký Hợp đồng bảo hiểm số U920060230 ngày 07 tháng 01 năm 2022 (mã **đại lý C**), giá trị bảo hiểm là 1.287.519.000 đồng, (bao gồm các sản phẩm chính: An phúc trọn đời ưu việt, quyền lợi bảo hiểm cơ bản, số tiền bảo hiểm là 1.071.000.000 đồng; bảo hiểm tử vong và thương tật do tai nạn là 100.000.000 đồng; bảo hiểm miễn thu nhi bệnh hiểm nghèo là 16.219.000 đồng; bảo hiểm toàn diện bệnh hiểm nghèo là 100.000.000 đồng; hỗ trợ chi phí nằm viện là 300.000 đồng). Tổng phí bảo hiểm định kỳ 18.278.000 đồng, đóng định kỳ năm, hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực kể từ ngày 07 tháng 01 năm 2022 đến ngày 07 tháng 01 năm 2096.

Khi ký hợp đồng bảo hiểm, nguyên đơn và ông **H1** cùng đi, phí bảo hiểm định kỳ là 18.278.000 đồng, nguyên đơn là người đóng cho **Đại lý bảo hiểm A1**. Ngày 23 tháng 3 năm 2022, ông **H1** chết thì bà **Huỳnh Thị Mỹ D2** là bạn gái của ông **H1** có đơn yêu cầu bị đơn trả tiền bảo hiểm là 1.287.519.000 đồng, do bà **D2** là người thụ hưởng theo hợp đồng. Khi biết được sự việc, nguyên đơn đã gửi đơn đề nghị bị đơn không chi trả tiền bảo hiểm cho bà **D2**, bởi nguyên đơn là người trực tiếp đóng phí bảo hiểm định kỳ. Mặt khác, ông **H1** và bà **D2** chưa đăng ký kết hôn, bà **D2** không phải là người thân thích, người thừa kế của ông **H1** nên không thuộc đối tượng thụ hưởng bảo hiểm khi ông **H1** chết. Theo phần E của hồ sơ bảo hiểm thể hiện nếu người được bảo hiểm từ 18 tuổi trở lên, người thụ

hưởng có thể là ông bà (nội, ngoại), cha/mẹ, vợ/chồng, con, anh/ chị/ em ruột của người được bảo hiểm. Hợp đồng bảo hiểm số U920060230, có tên người thụ hưởng bà **D2**, có quan hệ với người được bảo hiểm là vợ nhưng thực tế ông **H1** và bà **D2** chưa đăng ký kết hôn nên không phải là vợ chồng được pháp luật thừa nhận. Do đó, điều khoản về người thụ hưởng vô hiệu, trường hợp bảo hiểm chi trả thì phải chi trả cho những người thừa kế của ông **H1**.

Do bị đơn không thanh toán tiền bảo hiểm, nên ngày 27 tháng 9 năm 2022, bà **D2** đã khởi kiện và Tòa án nhân dân Quận 1 thụ lý vụ án theo Thông báo thụ lý số: 791/TB-TLVA ngày 12 tháng 10 năm 2022, trong đó: Bị đơn là **Công ty TNHH B1**, nguyên đơn và ông **Lê Việt H** (chồng của nguyên đơn) là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có yêu cầu độc lập yêu cầu bị đơn chi trả tiền bảo hiểm cho nguyên đơn, nguyên đơn đã đóng tạm ứng án phí. Ngày 14 tháng 11 năm 2022, Tòa án nhân dân Quận 1 thông báo thụ lý yêu cầu độc lập của nguyên đơn.

Ngày 08 tháng 11 năm 2022, ông **H** có văn bản từ chối nhận di sản số 004462, quyền số 04/2022/TP/CC-SCC-HĐGD tại **Văn phòng C1** từ chối nhận di sản thừa kế là phần tài sản của ông **H1** để lại trong hợp đồng bảo hiểm nhân thọ số U920060230. Ngày 23 tháng 11 năm 2022, Tòa án nhân dân Quận 1 thông báo cho nguyên đơn biết bà **D2** đã rút yêu cầu khởi kiện. Qua tìm hiểu, nguyên đơn biết ngày 16 tháng 11 năm 2022, bị đơn đã chi trả cho bà **D2** tiền bảo hiểm là 1.073.364.000 đồng, (bao gồm: 1.071.000.000 đồng quyền lợi bảo hiểm tử vong, 2.364.000 đồng hoàn trả chi phí bảo hiểm đã nộp sau ngày xảy ra sự kiện bảo hiểm). Tuy nhiên, đối với yêu cầu độc lập của nguyên đơn không được bị đơn xem xét. Tại mục 1, phần E của hồ sơ bảo hiểm ghi nhận người thụ hưởng thể hiện nếu người được bảo hiểm sản phẩm chính từ 18 tuổi trở lên người thụ hưởng có thể là ông bà (nội, ngoại), cha/mẹ, vợ/chồng, con, anh/ chị/ em ruột của người được bảo hiểm. Họ và tên người thụ hưởng là bà **D2**, có quan hệ với người được bảo hiểm là vợ nhưng thực tế ông **H1** và bà **D2** chưa đăng ký kết hôn nên không phải là vợ chồng hợp pháp được pháp luật thừa nhận nên điều khoản về người thụ hưởng vô hiệu và ông **H** từ chối nhận di sản của ông **H1** để lại là số tiền bảo hiểm nêu trên. Do đó, để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp nguyên đơn khởi kiện yêu cầu:

- Tuyên hủy một phần Hợp đồng bảo hiểm số U920060230 ký ngày 07 tháng 01 năm 2022 giữa ông **H1** và bị đơn vô hiệu;

- Buộc bị đơn phải chi trả cho nguyên đơn số tiền bảo hiểm 1.073.364.000 đồng theo Hợp đồng bảo hiểm số U920060230 ký ngày 07 tháng 01 năm 2022.

*Bị đơn **Công ty TNHH B1** có người đại diện hợp pháp theo ủy quyền là ông **Võ Trần K** và ông **Huỳnh Công D1** trình bày:*

Ngày 07 tháng 01 năm 2022, bị đơn nhận được hồ sơ yêu cầu bảo hiểm số U920060230 do ông **H1** là bên mua bảo hiểm và là người được bảo hiểm. Hồ sơ bảo hiểm được tư vấn, hỗ trợ bởi **Đại lý bảo hiểm A1** Sau khi thẩm định theo thông tin ông **H1** cung cấp, bị đơn đã phát hành Hợp đồng bảo hiểm số

U920060230 với các thông tin bên mua bảo hiểm và người được bảo hiểm là ông **Lê Việt H1** (sinh ngày 01 tháng 10 năm 1995, chứng minh nhân dân số 212377769); sản phẩm bảo hiểm, sản phẩm chính là **An P** trọn đời ưu việt, quyền lợi cơ bản, số tiền bảo hiểm là 1.071.000.000 đồng. Các sản phẩm bổ sung là bảo hiểm tử vong và thương tật do tai nạn 100.000.000 đồng, bảo hiểm miễn thu nhi bệnh hiểm nghèo 16.219.000 đồng, bảo hiểm toàn diện bệnh hiểm nghèo 100.000.000 đồng, hỗ trợ chi phí nằm viện 300.000 đồng. Tổng phí bảo hiểm định kỳ là 18.278.000 đồng (đóng định kỳ năm). Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày 07 tháng 01 năm 2022 đến ngày 07 tháng 01 năm 2096.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022, bị đơn nhận được phiếu yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm của bà **D2** do ông **H1** đã chết. Sau khi tiếp nhận yêu cầu và tiến hành các biện pháp kiểm tra. Ngày 16 tháng 11 năm 2022, bị đơn đã gửi thư phúc đáp đến bà **D2** là người thụ hưởng thì bị đơn chấp nhận chi trả toàn bộ quyền lợi bảo hiểm tử vong với số tiền 1.071.000.000 đồng, đồng thời hoàn trả số tiền đã nộp sau khi ông **H1** chết là 2.364.000 đồng. Ngày 16 tháng 11 năm 2022, theo yêu cầu của bà **D2**, bị đơn đã chuyển số tiền 1.073.364.000 đồng vào tài khoản của bà **D2** tại **Ngân hàng TMCP N**.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn có ý kiến:

Việc ông **H1** chỉ định người thụ hưởng theo Hợp đồng bảo hiểm số U920060230 là hợp lệ, ông **H1** tự xác định bà **D2** là người thụ hưởng được chỉ định nhận 100% số tiền bảo hiểm. Ông **H1** tự xác định bà **D2** là “vợ” là việc tự kê khai của ông **H1** không ảnh hưởng đến việc bị đơn có chấp nhận người được bảo hiểm chỉ định hay không khi chi trả quyền lợi bảo hiểm. Bị đơn cũng không được trao quyền để xem xét quan hệ giữa ông **H1** và bà **D2** có phải là vợ chồng hay không. Mặt khác, pháp luật về kinh doanh bảo hiểm không quy định khi mua bảo hiểm thì người mua bảo hiểm phải chứng minh mối quan hệ với người thụ hưởng. Theo khoản 8 Điều 3 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 quy định người thụ hưởng là: “Người thụ hưởng là tổ chức, cá nhân được bên mua bảo hiểm chỉ định để nhận tiền bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm con người”. Hợp đồng bảo hiểm số U920060230, không có bất kỳ thỏa thuận nào về việc giới hạn quyền chỉ định người thụ hưởng của ông **H1**. Theo khoản 1.4 Điều 1, Chương 1 bộ Quy tắc và Điều khoản Hợp đồng bảo hiểm số U920060230 quy định: “Người thụ hưởng là cá nhân hoặc tổ chức được Bên mua bảo hiểm chỉ định để nhận quyền lợi bảo hiểm khi Người được bảo hiểm tử vong”. Do đó, việc ông **H1** chỉ định bà **D2** là người thụ hưởng trong hợp đồng bảo hiểm là hợp lệ theo quy định pháp luật, thể hiện ý chí, nguyện vọng của ông **H1** tại thời điểm xác lập giao dịch. Còn ý kiến của nguyên đơn cho rằng “giữa con trai tôi và bà **D2** chưa đăng ký kết hôn, bà **D2** không phải là người thân thích hay người thừa kế, không thuộc đối tượng thụ hưởng bảo hiểm khi con trai tôi **Lê Việt H1** chết” là không phù hợp.

Bị đơn có nghĩa vụ thanh toán quyền lợi bảo hiểm tử vong cho người thụ hưởng theo Hợp đồng bảo hiểm số U920060230 đã ký. Tại điểm c khoản 2 Điều 17 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 quy định doanh nghiệp bảo hiểm có nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm kịp thời cho người thụ hưởng khi xảy ra sự kiện bảo

hiểm; khoản 26.2 Điều 26 bộ Quy tắc và Điều khoản Hợp đồng bảo hiểm số U920060230 có quy định: "Công ty sẽ chi trả quyền lợi khi Người được bảo hiểm tử vong cho những người có quyền nhận quyền lợi bảo hiểm theo thứ tự ưu tiên sau: i Người thụ hưởng". Như vậy, bị đơn có nghĩa vụ thanh toán quyền lợi bảo hiểm tử vong cho bà **D2** là người được thụ hưởng là hợp lệ. Việc chi trả quyền lợi bảo hiểm cho người thừa kế chỉ áp dụng trong trường hợp người thụ hưởng được chỉ định đã tử vong trước người được bảo hiểm như thỏa thuận của ông **H1** và bị đơn tại điểm (iii) khoản 26.2 Điều 26 bộ Quy tắc và Điều khoản Hợp đồng bảo hiểm số U920060230.

Bị đơn cho rằng nguyên đơn khởi kiện là không có cơ sở, bị đơn đã thanh toán quyền lợi bảo hiểm cho người được thụ hưởng là bà **D2** là tuân thủ theo ý chí của ông **H1** tại thời điểm xác lập giao dịch nên căn cứ khoản 8 Điều 3, điểm c khoản 2 Điều 17 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000; khoản 1.4 Điều 1, khoản 26.2 Điều 26 bộ Quy tắc và điều khoản Hợp đồng bảo hiểm số U920060230 đề nghị bác toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Lê Việt H** trình bày:*

Ông **Lê Việt H1** (ông **H1** sinh năm 1995, chết ngày 23 tháng 3 năm 2022, ông **H1** là con của ông **H** và nguyên đơn). Ngày 07 tháng 01 năm 2022, ông **H1** và bị đơn thông qua Đại lý bảo hiểm AIA Lê Duy lập hồ sơ bảo hiểm số U920060230 (mã **đại lý C**), tổng giá trị bảo hiểm là 1.287.519.000 đồng, (bao gồm các sản phẩm chính: An phúc trọn đời ưu việt, quyền lợi bảo hiểm cơ bản, số tiền bảo hiểm là 1.071.000.000 đồng; bảo hiểm tử vong và thương tật do tai nạn là 100.000.000 đồng; bảo hiểm miễn thu nhi bệnh hiểm nghèo là 16.219.000 đồng; bảo hiểm toàn diện bệnh hiểm nghèo là 100.000.000 đồng; hỗ trợ chi phí nằm viện là 300.000 đồng). Tổng phí bảo hiểm định kỳ 18.278.000 đồng, đóng định kỳ năm, Hợp đồng bảo hiểm số U920060230 có hiệu lực kể từ ngày 07 tháng 01 năm 2022 đến ngày 07 tháng 01 năm 2096.

Ngày 07 tháng 01 năm 2022, bà **B** cùng ông **H1** đến ký hợp đồng bảo hiểm, bà **B** đóng phí bảo hiểm định kỳ số tiền 18.278.000 đồng cho ông **H1** tại **Đại lý bảo hiểm A1**. Ngày 23 tháng 3 năm 2022, ông **H1** chết bà **D2** là bạn gái của ông **H1** có đơn yêu cầu bị đơn trả tiền bảo hiểm là 1.287.519.000 đồng, do bà **D2** là người thụ hưởng. Khi biết được sự việc, ông **H** đã gửi đơn đề nghị bị đơn không chi trả tiền bảo hiểm cho bà **D2**, bởi gia đình ông **H** là người trực tiếp đóng phí bảo hiểm định kỳ. Mặc khác, ông **H1** và bà **D2** chưa đăng ký kết hôn, bà **D2** không phải là người thân thích, người thừa kế của ông **H1** nên không thuộc đối tượng được thụ hưởng bảo hiểm khi ông **H1** chết. Theo phần E của hồ sơ bảo hiểm thể hiện nếu người được bảo hiểm từ 18 tuổi trở lên người thụ hưởng có thể là ông bà (nội, ngoại), cha/mẹ, vợ/chồng, con, anh/ chị/ em ruột của người được bảo hiểm. Hợp đồng bảo hiểm số U920060230, có tên người thụ hưởng là bà **D2**, có quan hệ với người được bảo hiểm là vợ nhưng thực tế ông **H1** và bà **D2** chưa đăng ký kết hôn nên không phải là vợ chồng hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Do đó, điều khoản về người thụ hưởng vô hiệu, trường hợp bảo hiểm chi trả thì phải chi trả cho những người thừa kế của ông **H1**.

Do bị đơn không thanh toán tiền bảo hiểm, nên ngày 27 tháng 9 năm 2022, bà **D2** đã khởi kiện và Tòa án nhân dân Quận 1 thụ lý vụ án theo Thông báo thụ lý số: 791/TB-TLVA ngày 12 tháng 10 năm 2022, trong đó: Bị đơn là **Công ty TNHH B1**, ông **Lê Việt H** và bà **B** (vợ của ông **H**) là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Quá trình giải quyết vụ án, bà **B** có yêu cầu độc lập yêu cầu bị đơn chi trả tiền bảo hiểm cho bà **B**, bà **B** đã đóng tạm ứng án phí. Ngày 14 tháng 11 năm 2022, Tòa án nhân dân Quận 1 thông báo thụ lý yêu cầu độc lập của bà **B**.

Ngày 08 tháng 11 năm 2022, ông **H** có văn bản từ chối nhận di sản số 004462, quyền số 04/2022/TP/CC-SCC-HĐGD tại **Văn phòng C1** từ chối nhận di sản của ông **H1** để lại là phần số tiền trong hợp đồng bảo hiểm ngày 07 tháng 01 năm 2022. Nay nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu chi trả tiền bảo hiểm, ông **H** thống nhất yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông **H** không có ý kiến gì về phán quyết của Tòa án khi giải quyết vụ án. Do không thu xếp được công việc nên ông **H** xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **Đại lý bảo hiểm A** có người đại diện là ông **Lê D3** trình bày:*

Ngày 07 tháng 01 năm 2022, ông **Lê Việt H1** ký Hợp đồng bảo hiểm số U920060230 với **Công ty TNHH B1** (Việt Nam) thông qua **Đại lý bảo hiểm A** (mã **đại lý C**), tổng giá trị bảo hiểm là 1.287.519.000 đồng, (bao gồm các sản phẩm chính: An phúc trọn đời ưu việt, quyền lợi bảo hiểm cơ bản, số tiền bảo hiểm là 1.071.000.000 đồng; bảo hiểm tử vong và thương tật do tai nạn là 100.000.000 đồng; bảo hiểm miễn thu nhi bệnh hiểm nghèo là 16.219.000 đồng; bảo hiểm toàn diện bệnh hiểm nghèo là 100.000.000 đồng; hỗ trợ chi phí nằm viện là 300.000 đồng). Bà **B** là mẹ của ông **H1** đóng phí bảo hiểm định kỳ là 18.278.000 đồng cho ông **H1**. Đề nghị Tòa án nhân dân Quận 1 giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, vì lý do công việc ông xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông **D3** cam kết không thắc mắc, khiếu nại về sau.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Huỳnh Thị Mỹ D2** được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng nhưng bị đơn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên không tiến hành hòa giải được.

Bản án dân sự sơ thẩm số 332/2023/DS-ST ngày 25-8-2023 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Căn cứ khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 khoản 4 Điều 91, điểm a khoản 1 Điều 92, Điều 145, khoản 1 Điều 147, Điều 146, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 3 khoản 8 khoản 10 Điều 3, Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 40 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2019); khoản 1 khoản 3 Điều 3, Điều 16, Điều 19, Điều 20, Điều 131, Điều 385, Điều 407 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9, Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B tuyên hủy một phần Hợp đồng bảo hiểm số U920060230 ký ngày 07 tháng 01 năm 2022 vô hiệu; buộc Công ty TNHH B1 (Việt Nam) phải chi trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền bảo hiểm 1.073.364.000 đồng (một tỷ, không trăm bảy mươi ba triệu, ba trăm sáu mươi bốn đồng) theo Hợp đồng bảo hiểm số U920060230 ký ngày 07 tháng 01 năm 2022.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị B phải chịu 44.500.920 đồng (bốn mươi bốn triệu, năm trăm nghìn, chín trăm hai mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Công ty TNHH B1 (Việt Nam) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. H2 lại cho bà Nguyễn Thị B số tiền 25.312.785 đồng (hai mươi lăm triệu, ba trăm mười hai nghìn, bảy trăm tám mươi lăm đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số: AA/2022/0018259 ngày 06 tháng 01 năm 2023 và số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số: AA/2023/0043979 ngày 22 tháng 8 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về thời hạn kháng cáo và thủ tục thi hành án.

Ngày 06/09/2023, nguyên đơn bà Nguyễn Thị B có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 332/2023/DS-ST ngày 25-8-2023 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Lý do: Tòa sơ thẩm nhận định, đánh giá chứng cứ và kết luận chưa khách quan và toàn diện vụ án. Nguyên đơn nhận thấy quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm nghiêm trọng.

Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm; Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B: Tuyên vô hiệu một phần Hợp đồng Bảo hiểm Nhân thọ số U920060230 ngày 07/01/2022 giữa ông Lê Việt H1 và Công ty TNHH B1 (Việt Nam) tại Phần E – Người thụ hưởng (NTH) đối với bà Huỳnh Thị Mỹ D2. Buộc bị đơn chi trả cho nguyên đơn số tiền bảo hiểm là 1.073.364.000 đồng (Một tỷ không trăm bảy mươi ba triệu ba trăm sáu mươi bốn nghìn đồng) theo Hợp đồng Bảo hiểm Nhân thọ số U920060230 ngày 07/01/2022.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo không rút kháng cáo, các đương sự không hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: Giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự được đảm bảo để thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung kháng cáo: Kháng cáo của nguyên đơn không có cơ sở, đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận toàn bộ kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn được thực hiện đảm bảo đúng quy định về thời hạn và thủ tục kháng cáo. Thẩm quyền giải quyết vụ án sơ thẩm đã xác định đúng, đã đưa đủ và xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng. Việc thực hiện tổng đạt các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Căn cứ Hợp đồng bảo hiểm số U920060230 ngày 07 tháng 01 năm 2022 giữa bên mua bảo hiểm và người được bảo hiểm là ông **Lê Việt H1** với bên bán bảo hiểm là **Công ty TNHH B1** (Việt Nam), tại trang E của hợp đồng về người thụ hưởng, bên mua là ông **Lê Việt H1** đã chỉ định cụ thể người thụ hưởng là bà **Huỳnh Thị Mỹ D2**, sinh ngày 22/03/1995. Sau khi người được bảo hiểm tử vong, **Công ty B1** đã giải quyết quyền lợi bảo hiểm cho người thụ hưởng là bà **Huỳnh Thị Mỹ D2**. Việc **Công ty TNHH B1** (Việt Nam) chi trả tiền bảo hiểm cho bà **Huỳnh Thị Mỹ D2** là đúng với thỏa thuận về người thụ hưởng tại Hợp đồng bảo hiểm số U920060230 và đúng với quy định tại khoản 8 Điều 3 của Luật Kinh doanh bảo hiểm.

[3] Việc chỉ định người thụ hưởng quyền lợi bảo hiểm là theo ý chí của người mua bảo hiểm được ghi trong hợp đồng bảo hiểm và đây là quyền của người mua bảo hiểm được quy định tại Luật kinh doanh bảo hiểm. Thời điểm xác lập hợp đồng bảo hiểm, ông **Lê Việt H1** đã trên 18 tuổi nên có quyền chỉ định người thụ hưởng, trong trường hợp này hợp đồng không quy định và cũng không có quy định nào của pháp luật bắt buộc chỉ định người thụ hưởng phải là vợ, chồng hoặc cha mẹ hay những người thân thích cùng huyết thống. Việc nguyên đơn trình bày có bỏ tiền của mình để mua bảo hiểm cho ông **Lê Việt H1** (nếu có), thì đây là quan hệ giao dịch khác của hai bên mà không bác bỏ được quyền của người thụ hưởng đã được chỉ định trong hợp đồng bảo hiểm.

[4] Tại đơn kháng cáo, nguyên đơn trình bày sự việc tranh chấp về bảo hiểm này trước đây bà **D2** đã khởi kiện bị đơn theo Thông báo thụ lý vụ án số 791/TB-TLVA ngày 12/10/2022 của Tòa án nhân dân Quận 1 và bà **B** là người có quyền, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập trong vụ án. Tòa án nhân dân Quận 1 đã đình chỉ giải quyết vụ án do bà **D2** rút đơn khởi kiện nhưng Công ty không giải quyết gì đến yêu cầu độc lập của bà **B** mà chi trả toàn bộ tiền bảo hiểm cho bà **D2**. Xét thấy, tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 908/QĐST-DS ngày 21/11/2022 thể hiện lý do đình chỉ vì nguyên đơn rút đơn khởi kiện và bà **Nguyễn Thị B** rút toàn bộ yêu cầu độc lập. Việc đình chỉ giải quyết vụ án là đúng

pháp luật, riêng việc Công ty B1 chi quyền lợi bảo hiểm cho bà D2 thì đây chính là nguyên nhân bà B khởi kiện vụ án này.

Tại phiên tòa phúc thẩm, luật sư bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn trình bày tranh tụng cho rằng Hợp đồng bảo hiểm ghi người thụ hưởng là bà Huỳnh Thị Mỹ D2 là vợ ông H1 là không đúng sự thật vì bà D2 và ông H1 không có giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nên không là vợ chồng, vì vậy điều khoản này bị vô hiệu. Xét như đã nhận định ở phần trên, không có quy định nào trong trường hợp này người thụ hưởng bắt buộc phải là có mối quan hệ vợ chồng, việc ghi tại hợp đồng là “vợ” cũng không bác bỏ được ý chí của người ký hợp đồng là ông H1 đã chỉ định người thụ hưởng là bà D2, do vậy ý kiến trình bày của luật sư là không có cơ sở.

[4] Từ nhận định trên, xét thấy sơ thẩm đã giải quyết vụ án đúng pháp luật nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, như ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 khoản 4 Điều 91, điểm a khoản 1 Điều 92, Điều 145, khoản 1 Điều 147, Điều 146, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 3 khoản 8 khoản 10 Điều 3, Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 40 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2019); khoản 1 khoản 3 Điều 3, Điều 16, Điều 19, Điều 20, Điều 131, Điều 385, Điều 407 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9, Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Không chấp nhận kháng cáo; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 332/2023/DS-ST ngày 25-8-2023 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B tuyên hủy một phần Hợp đồng bảo hiểm số U920060230 ký ngày 07 tháng 01 năm 2022 vô hiệu; buộc Công ty TNHH B1 (Việt Nam) phải chi trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền bảo hiểm 1.073.364.000 đồng (một tỷ, không trăm bảy mươi ba triệu, ba trăm sáu mươi bốn đồng) theo Hợp đồng bảo hiểm số U920060230 ký ngày 07 tháng 01 năm 2022.

2. Về án phí án sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị B phải chịu 44.500.920 đồng (bốn mươi bốn triệu, năm trăm nghìn, chín trăm hai mươi đồng). Công ty TNHH B1

(Việt Nam) không phải chịu. **H2** lại cho bà **Nguyễn Thị B** số tiền 25.312.785 đồng (hai mươi lăm triệu, ba trăm mười hai nghìn, bảy trăm tám mươi lăm đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số: AA/2022/0018259 ngày 06 tháng 01 năm 2023 và số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số: AA/2023/0043979 ngày 22 tháng 8 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí phúc thẩm: Bà **Nguyễn Thị B** phải chịu 300.000 đồng, trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng (Biên lai thu tạm ứng án phí AA/2023/0044103 ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh).

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 1;
- THADS Quận 1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng (T.20).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hồng Giảng